

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất và dịch vụ vận tải hàng hóa tại thôn Bằng Lai, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH thương mại Phương Nam

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 1946/STNMT-CCBVMT ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất và dịch vụ vận tải hàng hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 463/TTr-TNMT ngày 21 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất và dịch vụ vận tải hàng hóa (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH thương mại Phương Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH thương mại Phương Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Kim Thành;
- UBND xã Ngũ Phúc;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất và dịch vụ vận tải hàng hóa tại thôn Bằng Lai, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH Thương mại Phương Nam
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất và dịch vụ vận tải hàng hóa.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Bằng Lai, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Chủ dự án: Công ty TNHH thương mại Phương Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi quy mô: Đầu tư xây dựng Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất và dịch vụ vận tải hàng hóa trên tổng diện tích 11.641 m² thuộc thôn Bằng Lai, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Công suất:

+ Kinh doanh vật liệu xây dựng: Xi măng 90.000 tấn/năm; sắt, thép 3.000 tấn/năm; gạch ốp lát 25.000 m²/năm; thiết bị vệ sinh 1.000 bộ/năm; thiết bị điện nước 7.000 sản phẩm/năm; sơn các loại 100.000 m²/năm.

+ Kinh doanh thiết bị nội thất: 1.100 sản phẩm các loại/năm.

+ Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ: 1.200.000 tấn/km/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình kinh doanh:

Sản phẩm (xi măng, đồ nội thất, sắt, thép) → Nhập kho → Trưng bày → Xuất bán.

- Quy trình vận tải hàng hóa: Hàng hóa được các đơn vị có nhu cầu thuê Công ty vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Các hạng mục công trình xây dựng:

+ Các hạng mục công trình chính: Cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng (569 m²); cửa hàng kinh doanh thiết bị nội thất (796 m²); kho thiết bị nội thất (402 m²); kho vật liệu xây dựng (1.802 m²).

+ Các hạng mục công trình phụ gồm: Nhà bảo vệ (20 m²); nhà để xe (136 m²); nhà điều hành 2 tầng (425 m²); bãi đỗ xe ô tô (1.880 m²); nhà nghỉ ăn ca (250 m²); bể nước + trạm bơm (70 m²); trạm biến áp (20 m²); cây xanh (1.969 m²); đường giao thông nội bộ (3.107 m²).

+ Các hạng mục bảo vệ môi trường: Nhà vệ sinh (105 m²); khu xử lý nước thải (90 m²).

- Trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, vận tải của dự án: Xe đầu kéo (20-40 tấn): 05 chiếc, xe tải (1,5-15 tấn): 08 chiếc, xe nâng, giá đỡ.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng của dự án:

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, chất thải, máy móc thiết bị.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

+ Hoạt động của công nhân tham gia xây dựng, lắp đặt thiết bị.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

+ Hoạt động kinh doanh.

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.

+ Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước khoảng 11.641 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động bóc lớp đất hữu cơ tầng mặt đất chuyên trồng lúa nước: Phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động kinh doanh, vận tải: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn; chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại; ô nhiễm tiếng ồn; tai nạn lao động; sự cố cháy nổ, chập điện.

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bùn thải từ bể phốt, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng khoảng 2,25 m³/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị khoảng 0,225 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần chính là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Khối lượng phát sinh khoảng 0,48 m³/ngày. Thành phần của nước thải chủ yếu chứa đất, cát, dầu mỡ.

- Tác động do nước mưa chảy tràn: Thành phần chủ yếu là TSS, dầu mỡ,... nồng độ ô nhiễm thấp.

b) Giai đoạn vận hành

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và khách tham quan, mua bán khoảng 6,77 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh vật.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công, lắp đặt các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào dự án phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

- Bụi từ quá trình bóc dỡ hàng hóa, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng phát sinh không đáng kể.

- Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, thùng chứa rác thải: Thành phần khí thải phát sinh gồm: CH₄, H₂S, NH₃, mercaptan,... Lượng khí thải phát sinh ít, ảnh hưởng tới môi trường là không đáng kể.

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải do phát quang thăm thực khoảng 0,256 tấn.

- Chất thải từ hoạt động bóc tầng hữu cơ bề mặt khoảng 2.328,2 m³.

- Chất thải xây dựng gồm đầu mẫu sắt thép, dây thép, tôn, gỗ vụn, gạch, đá... phát sinh chủ yếu do hao hụt, rơi vãi, hỏng hóc, với khối lượng khoảng 0,294 -5,876 tấn/ngày.

- Chất thải rắn trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị gồm bao bì carton, nilon, thùng xốp... khối lượng khoảng 20 kg.

- Chất thải sinh hoạt: Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thực phẩm, đồ hộp, vỏ chai,... Khối lượng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng là 15 kg/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 1,5 kg/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn thông thường phát sinh gồm: thùng carton, bao bì nilong bọc thành phẩm bị rách, hỏng, chất thải từ khu vực văn phòng với khối lượng khoảng 3-5 kg/ngày; bụi bẩn trong quá trình vệ sinh sân đường, kho chứa khoảng 2 kg/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 44,18 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm,...

- Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải: 1-2 tấn/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị với khối lượng khoảng 69,45 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm dầu thải; găng tay, giẻ lau dính dầu; bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng; kim loại dính dầu thải, ắc quy hỏng...

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 316,5 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, bao bì cứng thải bằng nhựa.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa; phương tiện giao thông ra, vào dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực dự án.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động kinh doanh, vận tải của dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, sự cố các công trình xử lý chất thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng.

- Nước thải sinh hoạt: Thu gom bằng 03 nhà vệ sinh lưu động. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí 01 hố ga lắng cặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Nước thải rửa xe: Thu gom bằng bể lắng 3 ngăn kích thước 3 m × 2 m × 1 m đặt ngầm dưới cầu rửa xe, nước thải sau lắng tại ngăn thứ 3 sẽ tự chảy ra mương thoát nước phía Nam dự án, định kỳ vớt bỏ dầu mỡ nổi trên bề mặt bể và thu dọn đất cát lắng đáy bể.

- Đối với nước thải thi công xây dựng: Thu gom về hố ga kích thước 1m × 1m × 1m để lắng đọng đất, cát,... trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng của dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu ra môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng 02 bể tự hoại (01 bể dung tích 20 m³ đặt ngầm dưới khu nhà vệ sinh công nhân; 01 bể dung tích 6 m³ đặt ngầm tại khu vực nhà vệ sinh khu văn phòng, cửa hàng kinh doanh); nước thải khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ kích thước 2 m x 2 m x 1 m theo đường ống PVC D140 chiều dài 30 m và đường ống PVC D200 tổng chiều dài 220 m về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý thoát ra mương phía Nam dự án bằng đường ống PVC D200 chiều dài 110 m qua 01 điểm xả.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Công ty được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m³/ngày.đêm, quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → mương phía Nam dự án.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom, xử lý bảo đảm đạt yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A và hệ số K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao 2-3 m xung quanh khu đất thực hiện dự án; lắp đặt cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe, gầm xe ra vào dự án hạn chế bụi phát sinh ra môi trường.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động.

b) Giai đoạn vận hành

- Thực hiện vệ sinh công nghiệp: thường xuyên vệ sinh khu vực nhà xưởng, sân đường nội bộ.

- Đối với mùi, khí thải từ khu vực tập kết rác thải: các thùng rác phải được đậy nắp kín.

- Đối với khí thải, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải: thiết kế nắp đậy các hố ga, rãnh thu, bể xử lý để tránh phát tán mùi ra ngoài môi trường.

- Xe vận chuyển hàng hóa phải được đăng kiểm, chở đúng trọng tải quy định, che phủ kín thùng xe,...

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất hữu cơ được tập kết tại công trường và tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 50 lít/thùng để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển đến bãi tập kết rác thải của địa phương.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn là vỏ bao, sắt, thép thừa,... có thể tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị tái chế; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn, hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Thực hiện phân loại tại nguồn. Bố trí các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích từ 10-200 lít/thùng đặt tại khu vực nấu ăn, sân đường nội bộ, khu cửa hàng kinh doanh để thu gom rác thải sinh hoạt. Ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển mang đi xử lý, tần suất 01-02 ngày/lần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng đặt tại khu vực phát sinh sản xuất để thu gom chất thải; xây dựng 02 kho chứa chất thải, diện tích 20 m²/kho, bên ngoài kho ghi biển báo kho chứa chất thải rắn thông thường. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, mang đi xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hố ga, bể phốt, bể tách mỡ: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, nạo vét, tần suất 6 tháng/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải được thu gom bằng 03 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích từ 100 lít đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Các thùng thu gom được dán tên, mã chất thải nguy hại và đặt tại khu vực kho chứa tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại khu vực cao ráo, có bố trí biển báo rõ ràng theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải được phân loại tại nguồn, để riêng vào các thùng có dung tích từ 50-120 lít đặt tại khu vực có diện tích khoảng 10 m² (nằm trong kho chứa vật liệu xây dựng). Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Trang bị kiến thức cho nhân viên vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra. Khi hệ thống xảy ra sự cố kéo dài phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (01 điểm tại khu vực công ra vào; 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng, 01 điểm tại khu vực cuối hướng gió chính).

- Các thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát nước thải thi công

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận.

- Các thông số giám sát: pH, TSS, dầu mỡ khoáng, COD, BOD₅, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, mức B.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định

- Tần suất: Giám sát thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải, khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải, khí thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 và khoản 1, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tổ chức hoạt động giám sát chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của dự án./.